

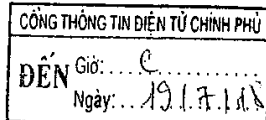
TTĐT (2)

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 100/2018/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 16 tháng 7 năm 2018



NGHỊ ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc các lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật đầu tư ngày 22 tháng 11 năm 2016;

Căn cứ Luật xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật nhà ở ngày 25 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật kinh doanh bất động sản ngày 25 tháng 11 năm 2014;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Xây dựng;

Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc các lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ một số điều của Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng (sau đây viết tắt là Nghị định số 59/2015/NĐ-CP) và một số khoản tại Điều 1 của Nghị định số 42/2017/NĐ-CP về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng (sau đây viết tắt là Nghị định số 42/2017/NĐ-CP) như sau:

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 7, khoản 15, khoản 16, khoản 17, khoản 18, khoản 19, khoản 20 Điều 2 Nghị định số 59/2015/NĐ-CP như sau:

“7. Giám đốc quản lý dự án là chức danh của cá nhân được Giám đốc Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng chuyên ngành, Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực, người đại diện theo pháp luật của tổ chức tư vấn quản lý dự án, người đại diện theo pháp luật của chủ đầu tư (trường hợp chủ đầu tư tự thực hiện quản lý dự án) giao nhiệm vụ quản lý, điều phối thực hiện quản lý dự án đối với dự án đầu tư xây dựng công trình cụ thể.

15. Chủ trì là chức danh của cá nhân được tổ chức giao nhiệm vụ thực hiện công việc chuyên môn thuộc một đồ án quy hoạch, dự án hoặc công trình cụ thể, bao gồm: Chủ trì thiết kế các bộ môn của đồ án quy hoạch xây dựng; chủ trì thiết kế các bộ môn của thiết kế xây dựng; chủ trì kiểm định xây dựng; chủ trì thực hiện quản lý chi phí đầu tư xây dựng.

16. Chủ nhiệm là chức danh của cá nhân được tổ chức giao nhiệm vụ quản lý, điều phối thực hiện toàn bộ công việc chuyên môn thuộc một đồ án quy hoạch, dự án hoặc công trình cụ thể, bao gồm: Chủ nhiệm thiết kế quy hoạch xây dựng; chủ nhiệm khảo sát xây dựng; chủ nhiệm thiết kế xây dựng.

17. Giám sát trưởng là chức danh của cá nhân được tổ chức giám sát thi công xây dựng công trình giao nhiệm vụ quản lý, điều hành hoạt động giám sát thi công xây dựng đối với một dự án hoặc công trình cụ thể.

18. Chỉ huy trưởng là chức danh của cá nhân được tổ chức thi công xây dựng giao nhiệm vụ quản lý, điều hành hoạt động thi công xây dựng đối với một dự án hoặc công trình cụ thể.

19. Mã số chứng chỉ hành nghề: Là dãy số có 08 chữ số dùng để quản lý chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng của cá nhân. Mỗi cá nhân tham gia hoạt động xây dựng khi đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề lần đầu theo quy định của Nghị định này được cấp một Mã số chứng chỉ hành nghề. Mã số chứng chỉ hành nghề không thay đổi khi cá nhân đề nghị cấp lại hoặc điều chỉnh, bổ sung nội dung chứng chỉ hành nghề đã được cấp.

20. Mã số chứng chỉ năng lực: Là dãy số có 08 chữ số dùng để quản lý chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng của tổ chức. Mỗi tổ chức tham gia hoạt động xây dựng khi đề nghị cấp chứng chỉ năng lực lần đầu theo quy định của Nghị định này được cấp một Mã số chứng chỉ năng lực. Mã số chứng chỉ năng lực không thay đổi khi tổ chức đề nghị cấp lại hoặc điều chỉnh, bổ sung nội dung chứng chỉ năng lực đã được cấp.”

2. Sửa đổi, bổ sung Điều 44 Nghị định số 59/2015/NĐ-CP như sau:

“Điều 44. Chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng

1. Chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng (sau đây gọi tắt là chứng chỉ hành nghề) được cấp cho cá nhân là công dân Việt Nam, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, người nước ngoài hoạt động xây dựng hợp pháp tại Việt Nam để đảm nhận các chức danh hoặc hành nghề độc lập quy định tại khoản 3 Điều 148 Luật xây dựng năm 2014.

2. Cá nhân người nước ngoài hoặc người Việt Nam định cư ở nước ngoài đã có chứng chỉ hành nghề do cơ quan, tổ chức nước ngoài cấp, nếu hành nghề hoạt động xây dựng ở Việt Nam dưới 06 tháng thì được công nhận hành nghề. Trường hợp cá nhân hành nghề hoạt động xây dựng ở Việt Nam từ 06 tháng trở lên, phải chuyển đổi chứng chỉ hành nghề tại cơ quan có thẩm quyền cấp chứng chỉ hành nghề theo quy định tại Điều 44b Nghị định này.

3. Cá nhân không có chứng chỉ hành nghề được tham gia các hoạt động xây dựng thuộc lĩnh vực phù hợp với chuyên ngành được đào tạo, phù hợp với quy định của Bộ luật Lao động và không được hành nghề độc lập, không được đảm nhận chức danh theo quy định của Luật xây dựng phải có chứng chỉ hành nghề.

4. Chứng chỉ hành nghề có hiệu lực tối đa 05 năm. Riêng đối với chứng chỉ hành nghề của cá nhân nước ngoài, hiệu lực được xác định theo thời hạn được ghi trong giấy phép lao động hoặc thẻ tạm trú do cơ quan có thẩm quyền cấp nhưng không quá 05 năm.

5. Chứng chỉ hành nghề có quy cách và nội dung chủ yếu theo mẫu tại Phụ lục VIII Nghị định này.

6. Chứng chỉ hành nghề được quản lý thông qua số chứng chỉ hành nghề, bao gồm 02 nhóm ký hiệu, được nối với nhau bằng dấu gạch ngang (-), quy định như sau:

a) Nhóm thứ nhất: Có 03 ký tự thể hiện nơi cấp chứng chỉ được quy định cụ thể tại Phụ lục VII Nghị định này;

b) Nhóm thứ hai: Mã số chứng chỉ hành nghề.

8. Bộ Xây dựng thống nhất quản lý về việc cấp, thu hồi chứng chỉ hành nghề; quản lý cấp mã số chứng chỉ hành nghề; hướng dẫn về chuyên môn phù hợp khi xét cấp chứng chỉ hành nghề; công khai danh sách cá nhân được cấp chứng chỉ; tổ chức thực hiện cấp chứng chỉ hành nghề trực tuyến.”

3. Bổ sung Điều 44a Nghị định số 59/2015/NĐ-CP như sau:

“Điều 44a. Cấp, thu hồi chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng

1. Chứng chỉ hành nghề được cấp cho cá nhân thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Cấp chứng chỉ hành nghề lần đầu, nâng hạng chứng chỉ hành nghề;

b) Điều chỉnh, bổ sung nội dung chứng chỉ hành nghề;

c) Cấp lại chứng chỉ hành nghề do chứng chỉ hành nghề cũ bị mất hoặc hư hỏng hoặc hết thời hạn hiệu lực;

d) Chuyên đổi chứng chỉ hành nghề đối với cá nhân thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 44 Nghị định này.

2. Chứng chỉ hành nghề của cá nhân bị thu hồi khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Cá nhân không còn đáp ứng điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 45 Nghị định này;

b) Giả mạo giấy tờ trong hồ sơ đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề;

c) Cho thuê, cho mượn, thuê, mượn hoặc cho người khác sử dụng chứng chỉ hành nghề;

d) Sửa chữa, tẩy xóa làm sai lệch nội dung chứng chỉ hành nghề;

đ) Chứng chỉ hành nghề bị ghi sai do lỗi của cơ quan cấp chứng chỉ hành nghề;

e) Chứng chỉ hành nghề được cấp không đúng thẩm quyền;

g) Chứng chỉ hành nghề được cấp khi không đáp ứng yêu cầu về điều kiện năng lực theo quy định.

3. Cá nhân đã bị thu hồi chứng chỉ hành nghề thuộc trường hợp quy định tại điểm b, c, d khoản 2 Điều này được đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề sau 12 tháng, kể từ ngày có quyết định thu hồi chứng chỉ hành nghề. Trình tự, thủ tục cấp chứng chỉ hành nghề được thực hiện như trường hợp cấp chứng chỉ hành nghề quy định tại điểm a khoản 1 Điều này.

Cá nhân đã bị thu hồi chứng chỉ hành nghề thuộc trường hợp quy định tại điểm đ khoản 2 Điều này được cấp lại chứng chỉ hành nghề theo trình tự, thủ tục quy định tại khoản 2 Điều 56b Nghị định này.”

4. Bổ sung Điều 44b Nghị định số 59/2015/NĐ-CP như sau:

“Điều 44b. Thẩm quyền cấp, thu hồi chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng

1. Thẩm quyền cấp chứng chỉ hành nghề:

a) Cơ quan chuyên môn về xây dựng trực thuộc Bộ Xây dựng cấp chứng chỉ hành nghề hạng I.

b) Sở Xây dựng cấp chứng chỉ hành nghề hạng II, hạng III.

c) Tổ chức xã hội - nghề nghiệp quy định tại Điều 56c Nghị định này cấp chứng chỉ hành nghề hạng II, hạng III cho cá nhân là hội viên, thành viên của mình.

2. Cơ quan có thẩm quyền cấp chứng chỉ hành nghề là cơ quan có thẩm quyền thu hồi chứng chỉ hành nghề do mình cấp.”.

5. Sửa đổi, bổ sung Điều 45 Nghị định số 59/2015/NĐ-CP như sau:

“Điều 45. Điều kiện chung để được cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng

Cá nhân được cấp chứng chỉ hành nghề khi đáp ứng các điều kiện sau:

1. Có đủ năng lực hành vi dân sự theo quy định của pháp luật; có giấy phép cư trú hoặc giấy phép lao động tại Việt Nam đối với người nước ngoài và người Việt Nam định cư ở nước ngoài.

2. Có trình độ chuyên môn được đào tạo, thời gian và kinh nghiệm tham gia công việc phù hợp với nội dung đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề như sau:

a) Hạng I: Có trình độ đại học thuộc chuyên ngành phù hợp, có thời gian kinh nghiệm tham gia công việc phù hợp với nội dung đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề từ 07 năm trở lên;

b) Hạng II: Có trình độ đại học thuộc chuyên ngành phù hợp, có thời gian kinh nghiệm tham gia công việc phù hợp với nội dung đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề từ 04 năm trở lên;

c) Hạng III: Có trình độ chuyên môn phù hợp, có thời gian kinh nghiệm tham gia công việc phù hợp với nội dung đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề từ 02 năm trở lên đối với cá nhân có trình độ đại học; từ 03 năm trở lên đối với cá nhân có trình độ cao đẳng hoặc trung cấp.

3. Đạt yêu cầu sát hạch đối với lĩnh vực đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề.”.

6. Sửa đổi, bổ sung Điều 46 Nghị định số 59/2015/NĐ-CP như sau:

“Điều 46. Chứng chỉ hành nghề khảo sát xây dựng

1. Các lĩnh vực cấp chứng chỉ hành nghề khảo sát xây dựng gồm:

a) Khảo sát địa hình;

b) Khảo sát địa chất công trình.

2. Điều kiện cấp chứng chỉ hành nghề khảo sát xây dựng phù hợp với lĩnh vực khảo sát quy định tại khoản 1 Điều này như sau:

a) Hạng I: Đã làm chủ nhiệm khảo sát xây dựng thuộc lĩnh vực đề nghị cấp chứng chỉ ít nhất 01 dự án từ nhóm A hoặc 02 dự án từ nhóm B trở lên hoặc ít nhất 02 công trình từ cấp I trở lên hoặc 03 công trình từ cấp II trở lên.